TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LỘ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25- 3 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Văn Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Long

2. Bà Trần Thị Thúy Sâm

- *Thư ký phiên toà:* bà Đinh Thị Tường Vy.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên tòa:* ông Phạm Hồng Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị Thu S, sinh năm 1998, địa chỉ: X, V, V, Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn*: Anh Trần Đức L, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu S trình bày:

Chị Đỗ Thị Thu S và anh Trần Đức L đăng ký kết hôn vào năm 2020, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do anh L sống không có trách nhiệm với gia đình; thường hay chơi cờ bạc dẫn đến nợ tiền nhiều người. Chị S đã nhiều lần đứng ra trả nợ thay anh L và khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi mà còn tiếp tục chơi cờ bạc. Từ đó vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau đã 02 năm nay. Chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đức L. Về con chung: Chị S và

anh L có 01 con chung là cháu Trần Đỗ Tuyết N, sinh ngày 09/10/2020. Ly hôn chị S có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N; không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến, bị đơn anh Trần Đức L trình bày: nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình, quan điểm sống của mỗi người mỗi khác. Sau khi mâu thuẫn, chị S đã vào nhà mẹ đẻ ở Khánh Hoà sinh sống từ hơn 1 năm nay. Anh L đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị S vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do anh L bận đi làm ăn xa nên đề nghị Toà án xét xử vắng mặt đối với anh L. Anh L đồng ý với ý kiến của chị S nêu ra về con chung và tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán, Thư ký và của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định BLTTDS.

- *Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:* nguyên đơn chấp hành đúng các quy định; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Quan điểm về nội dung vụ án:* căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

+ Về hôn nhân: xử cho chị Đỗ Thị Thu S ly hôn với anh Trần Đức L.

+ Về nuôi con chung: giao cháu Trần Đỗ Thị Tuyết N1, sinh ngày 09/10/2020 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu S khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Đức L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn anh Trần Đức L có nơi đăng ký thường trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cả nguyên đơn và bị đơn đều xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh của Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Đỗ Thị Thu S và anh Trần Đức L đăng ký kết hôn vào năm 2020, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn mỗi bên trình bày khác nhau nhưng có căn cứ xác định do tính tình, quan điểm sống của mỗi người khác nhau dẫn đến vợ chồng thường cải vã. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị S vào tỉnh Khánh Hoà sinh sống, vợ chồng sống ly thân hơn 1 năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thu S, cho chị S được ly hôn anh Trần Đức L.

[3] Về nuôi con chung: Chị S có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N1, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế chị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con từ khi mâu thuẫn cho đến nay nên nhằm đảm bảo tính ổn định cũng như quyền lợi về mọi mặt cho cháu N1, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Đỗ Tuyết N1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về vấn đề cấp dưỡng: do chị S không yêu cầu và anh L không có công việc ổn định nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị Đỗ Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về hôn nhân: xử cho chị Đỗ Thị Thu S được ly hôn với anh Trần Đức L.

- Về nuôi con chung: giao cháu Trần Đỗ Tuyết N1, sinh ngày 09/10/2020, cho chị Đỗ Thị Thu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Trần Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: chị Đỗ Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000355 ngày 25/9/2023 của Chi cục THADS huyện C. Chị S đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- UBND xã Cam Thành;
- Đương sự;
- Dán án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý